Người ký: Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát
Email: ubbencat@binhduong.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Bình Dương
Thời gian ký: 27.06.2023 17:21:52 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BẾN CÁT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 119 /KH-UBND	*Bến Cát, ngày 27 tháng 6 năm 2023*

KẾ HOẠCH
Tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu trên địa bàn thị xã Bến Cát năm 2024

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về Khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công thương về việc quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính Phủ về Khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ Công thương quy định về việc tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu;

Căn cứ Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2018 của Bộ Công thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28/8/2014 của Bộ Công thương quy định về việc tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu;

Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí Khuyến công;

Căn cứ Quyết định số 40/2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy chế về quản lý và sử dụng kinh phí Khuyến công trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Kế hoạch số 2436/KH-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu tỉnh Bình Dương lần VII, năm 2024.

Nay Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát xây dựng Kế hoạch bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu trên địa bàn thị xã Bến Cát năm 2024 với những nội dung cụ thể như sau:

I. Mục đích, phạm vi đối tượng tham gia bình chọn

1. Mục đích

Bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn (gọi tắt là CNNT) tiêu biểu nhằm phát hiện và tôn vinh các sản phẩm có chất lượng, có giá trị sử dụng cao, có tiềm năng phát triển sản xuất, mở rộng thị trường, đáp ứng thị hiếu người tiêu dùng trong và ngoài nước để có kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất và xúc tiến thương mại, góp phần thúc đẩy phát triển công nghiệp nông thôn.

2. Phạm vi, đối tượng bình chọn

Kế hoạch này quy định về trình tự, thủ tục tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu và quyền lợi, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có sản phẩm được cấp ***"Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu"***

Đối tượng bình chọn là sản phẩm của các tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn thị xã, bao gồm: doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật *(sau đây gọi chung là cơ sở công nghiệp nông thôn)*.

II. Sản phẩm tham gia bình chọn

1. Sản phẩm tham gia bình chọn là một sản phẩm hoặc một bộ sản phẩm *(sau đây gọi chung là sản phẩm)*.

2. Sản phẩm tham gia bình chọn là sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp do chính cơ sở công nghiệp nông thôn sản xuất và đăng ký tham gia bình chọn.

3. Sản phẩm tham gia bình chọn không vi phạm quy định về quyền sở hữu trí tuệ, quyền sở hữu công nghiệp và các quy định khác liên quan đến tiêu chuẩn, quy chuẩn về chất lượng, an toàn lao động, vệ sinh lao động, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường.

4. Sản phẩm tham gia bình chọn phải có khả năng sản xuất hàng loạt, với số lượng lớn, không phải là sản phẩm độc bản, đáp ứng được nhu cầu thị trường.

5. Sản phẩm tham gia bình chọn được phân theo các nhóm sau đây:

a) Nhóm sản phẩm thủ công mỹ nghệ.

b) Nhóm sản phẩm chế biến nông, lâm, thủy sản và thực phẩm.

c) Nhóm sản phẩm về thiết bị, máy móc, dụng cụ và phụ tùng cơ khí.

d) Nhóm sản phẩm khác.

III. Nguyên tắc tổ chức và tham gia bình chọn

1. Việc tổ chức bình chọn sản phẩm CNNT tiêu biểu được thực hiện công khai, minh bạch và tuân thủ theo các quy định của pháp luật.

2. Được tổ chức bình chọn theo 2 (hai) cấp, gồm: cấp huyện và cấp tỉnh.

3. Một cơ sở CNNT có thể đăng ký tham gia bình chọn cho một hoặc nhiều sản phẩm. Sản phẩm CNNT tiêu biểu *(các cấp)* được đăng ký tham gia bình chọn tại nhiều kỳ bình chọn. Việc bình chọn thực hiện theo trình tự quy định tại Kế hoạch này.

4. Cơ sở CNNT gửi sản phẩm tham gia bình chọn trên nguyên tắc tự nguyện, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực đối với các thông tin liên quan đến sản phẩm của mình.

IV. Tiêu chí bình chọn sản phẩm

1.Việc bình chọn sản phẩm CNNT tiêu biểu được đánh giá thông qua các tiêu chí cơ bản sau:

a) Tiêu chí về đáp ứng thị trường và khả năng phát triển sản xuất.

b) Tiêu chí về kinh tế - kỹ thuật - xã hội và môi trường.

c) Tiêu chí về tính văn hóa và thẩm mỹ.

d) Tiêu chí khác.

2. Chi tiết các tiêu chí bình chọn và phiếu chấm điểm sản phẩm CNNT tiêu biểu: quy định tại phụ lục số 3, 4 kèm theo Kế hoạch này

V. Thời gian tổ chức bình chọn

TT	Nội dung thực hiện	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Tuyên truyền, phổ biến, vận động, hướng dẫn cơ sở CNNT đăng ký, hoàn thiện hồ sơ tham gia bình chọn sản phẩm CNNT tiêu biểu năm 2024.	Phòng Kinh tế	Tháng 8/2023 - 02/2024	UBND các xã, phường phối hợp thực hiện
2	- Tham mưu thành lập Hội đồng bình chọn cấp huyện. - Tham mưu thành lập Ban Giám khảo, Tổ giúp việc cấp huyện. - Tiếp nhận hồ sơ, sản phẩm tham gia bình chọn cấp huyện.	Phòng Kinh tế	Tháng 10/2023-02/2024	UBND các xã, phường phối hợp thực hiện
3	- Tổ chức họp Ban Giám khảo chấm điểm sản phẩm CNNT đăng ký tham gia bình chọn cấp huyện. - Báo cáo kết quả chấm điểm cho Hội đồng bình chọn cấp huyện.	Ban Giám khảo cấp huyện	Tháng 3/2024	Tổ giúp việc phối hợp thực hiện
4	- Xem xét, đánh giá kết quả chấm điểm. - Trình UBND cấp huyện công nhận sản phẩm CNNT tiêu biểu và khen thưởng.	Hội đồng bình chọn cấp huyện	Tháng 4/2024	Tổ giúp việc phối hợp thực hiện

	- Báo cáo kết quả bình chọn sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp huyện. - Lựa chọn sản phẩm được công nhận sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp huyện đăng ký tham gia bình chọn cấp tỉnh.			

VI. Hội đồng bình chọn

1. Hội đồng bình chọn sản phẩm CNNT tiêu biểu *(sau đây gọi là Hội đồng bình chọn)* do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập.

2. Cơ cấu, thành phần của Hội đồng bình chọn: Hội đồng bình chọn cấp huyện có từ 05 đến 07 thành viên, bao gồm:

- Chủ tịch Hội đồng là đại diện Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng là đại diện Lãnh đạo Phòng Kinh tế; các Phó Chủ tịch Hội đồng khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định.

- Các thành viên khác của Hội đồng là đại diện của một số đơn vị, tổ chức có liên quan; các nhà khoa học, các chuyên gia, người có chuyên môn, kinh nghiệm thuộc lĩnh vực, ngành nghề có liên quan đến các sản phẩm đăng ký tham gia bình chọn.

3. Nhiệm vụ Hội đồng bình chọn

Hội đồng bình chọn có nhiệm vụ: thành lập Ban Giám khảo và Tổ chuyên môn giúp việc; tổ chức bình chọn sản phẩm CNNT tiêu biểu của cấp huyện; đề xuất, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kết quả bình chọn, quyết định công nhận và cấp ***"Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu"*** *(sau đây gọi là Giấy chứng nhận)*.

Hội đồng bình chọn cấp huyện có trách nhiệm lựa chọn, lập danh sách các sản phẩm CNNT tiêu biểu nhất để đề xuất, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt đăng ký tham gia bình chọn ở cấp cao hơn.

Hội đồng bình chọn cấp huyện có trách nhiệm giải quyết các vướng mắc; xử lý kiến nghị và khiếu nại liên quan đến kết quả bình chọn do Hội đồng cấp huyện thực hiện.

VII. Ban giám khảo

1. Ban Giám khảo do Chủ tịch Hội đồng bình chọn thành lập để giúp Hội đồng bình chọn đánh giá và bình chọn các sản phẩm CNNT tiêu biểu. Ban Giám khảo chịu trách nhiệm trước Hội đồng bình chọn về kết quả bình chọn.

2. Ban Giám khảo gồm có Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các thành viên. Số lượng thành viên Ban Giám khảo là số lẻ. Thành viên của Ban Giám khảo là các nhà khoa học, chuyên gia, cán bộ quản lý, người có chuyên môn,

kinh nghiệm thuộc lĩnh vực, ngành nghề liên quan đến các nhóm sản phẩm đăng ký tham gia bình chọn. Thành viên của Ban Giám khảo có thể là thành viên của Hội đồng bình chọn.

Ban Giám khảo có nhiệm vụ nghiên cứu hồ sơ, sản phẩm và tổ chức bình chọn theo các nguyên tắc và tiêu chí được quy định tại kế hoạch này. Ban Giám khảo làm việc theo nguyên tắc công khai, minh bạch, kết luận theo đa số.

VIII. Hồ sơ đăng ký tham gia

1. Hồ sơ đăng ký bình chọn cấp huyện

Cơ sở CNNT gửi 02 *(hai)* bộ hồ sơ *(kèm theo bản hồ sơ điện tử)* tới Hội đồng bình chọn *(gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện)* khi thực hiện đăng ký tham gia bình chọn. Hồ sơ được sử dụng liên thông cho các cấp bình chọn. Hồ sơ gồm có:

a) Phiếu đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm của cơ sở CNNT *(theo mẫu tại **phụ lục số 1** ban hành kèm theo Kế hoạch này)* kèm theo bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương.

b) Bản thuyết minh, mô tả giới thiệu về sản phẩm đăng ký bình chọn *(theo mẫu tại **Phụ lục số 2** ban hành kèm theo Kế hoạch này)* kèm theo tối thiểu 03 *(ba)* ảnh màu, cỡ *(10x15)* cm của sản phẩm được chụp tại các góc độ khác nhau *(tối thiểu tại các góc chính diện, các mặt bên, từ trên xuống)*.

c) Bản sao hợp lệ các tài liệu khác còn giá trị pháp lý liên quan đến sản phẩm *(nếu có)* như: Chứng chỉ, chứng nhận về tiêu chuẩn chất lượng của sản phẩm; giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; giấy khen, bằng khen cho sản phẩm và các giấy tờ liên quan khác.

2. Hồ sơ đăng ký bình chọn cấp tỉnh

a) Hồ sơ tham gia bình chọn cấp tỉnh như quy định tại khoản 1 của mục này.

b) Bản sao hợp lệ ***"Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện"*** còn giá trị.

c) Văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện kèm theo danh sách trích ngang các sản phẩm đăng ký tham gia bình chọn cấp tỉnh *(theo mẫu tại **phụ lục số 5** của kế hoạch này)*.

d) Trong trường hợp không tổ chức bình chọn ở cấp huyện, thì cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm đăng ký tham gia bình chọn ở cấp tỉnh lập 01 bộ hồ sơ theo khoản 1 của mục này gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, có văn bản gửi đăng ký tham gia bình chọn cấp tỉnh.

3. Lưu giữ hồ sơ bình chọn

Hồ sơ bình chọn sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp huyện lưu tại Phòng Kinh tế; cấp tỉnh lưu tại Sở Công thương.

IX. Tổ chức bình chọn

1. Trên cơ sở thực tế hồ sơ và sản phẩm đăng ký tham gia bình chọn, Trưởng ban Giám khảo có thể xem xét đề xuất các khung điểm chi tiết theo các nội dung của 4 tiêu chí quy định tại **phụ lục 3** của Kế hoạch này, trình Chủ tịch Hội đồng bình chọn quyết định để tổ chức bình chọn.

2. Ban Giám khảo tiến hành chấm điểm theo mẫu phiếu chấm điểm tại **phụ lục 4** của Kế hoạch này, việc chấm điểm phải đảm bảo nguyên tắc độc lập, công bằng, khách quan. Từng thành viên tự chịu trách nhiệm về kết quả đánh giá của mình.

3. Trưởng ban Giám khảo lập biên bản tổng hợp kết quả bình chọn gửi Hội đồng bình chọn.

X. Công nhận kết quả, cấp Giấy chứng nhận

1. Sản phẩm được cấp Giấy chứng nhận phải đáp ứng các quy định tại **mục II, IV** của Kế hoạch này; được Ban Giám khảo chấm điểm, điểm bình quân phải đạt từ 70 điểm trở lên. Cơ cấu và số lượng sản phẩm được cấp Giấy chứng nhận do Hội đồng bình chọn quyết định.

2. Căn cứ vào kết quả bình chọn, Hội đồng bình chọn trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân phê duyệt kết quả bình chọn, quyết định công nhận và cấp Giấy chứng nhận cho sản phẩm CNNT tiêu biểu theo thẩm quyền quy định tại Kế hoạch này. Kết quả bình chọn sản phẩm được thông báo đến các cơ sở CNNT có sản phẩm tham gia bình chọn.

3. ***"Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu"*** có giá trị tính từ ngày được cấp đến hết ngày 31 tháng 12 của năm thứ tư *(năm thứ nhất là năm cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm được cấp Giấy chứng nhận)*.

4. Mẫu ***"Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu"*** được thống nhất sử dụng từ cấp huyện đến cấp tỉnh theo quy định tại **phụ lục 6** của Kế hoạch này.

XI. Kinh phí tổ chức bình chọn và khen thưởng

1. Kinh phí triển khai, tổ chức bình chọn, công bố và khen thưởng sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp huyện được sử dụng từ nguồn kinh phí ngân sách địa phương, kết hợp với nguồn tài trợ và nguồn kinh phí hợp pháp khác *(nếu có)*. Mức chi kinh phí khuyến công địa phương cho công tác tổ chức bình chọn và cấp Giấy chứng nhận sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp huyện theo quy định tại điểm g, khoản 2, Điều 7, Chương II của Quy chế Quản lý và sử dụng kinh phí Khuyến công trên địa bàn tỉnh Bình Dương được ban hành theo Quyết

định số 40/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cụ thể như sau:

- Kinh phí bình chọn cấp huyện bao gồm:

+ Kinh phí tổ chức bình chọn, công bố và trao ***"Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu"*** cấp huyện được sử dụng từ nguồn ngân sách cấp huyện không quá 50 *(năm mươi)* triệu đồng/lần bình chọn *(kinh phí bao gồm: công tác vận động; xe vận chuyển sản phẩm; chi họp Hội đồng, họp Ban Giám khảo bình chọn; Tổ giúp việc bình chọn, kinh phí tổ chức Lễ công bố và trao Giấy chứng nhận, và một số chi khác,...).*

+ Kinh phí trao thưởng cấp huyện được trích từ ngân sách huyện. Mức khen thưởng cho sản phẩm được công nhận sản phẩm CNNT tiêu biểu không quá 3 *(ba)* triệu đồng đối với một sản phẩm *(bao gồm: Giấy chứng nhận, khung, kỉ niệm chương và tiền thưởng)*. Cơ cấu và số lượng sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp huyện do Hội đồng bình chọn cấp huyện quyết định *(tối thiểu 05 sản phẩm/huyện)*.

***Lưu ý**: mức chi họp Hội đồng, Ban giám khảo bình chọn được áp dụng theo Quyết định số 09/2019/QĐ-UBND ngày 10/5/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương quy định định mức chi xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương.*

XII. Quyền lợi và trách nhiệm của cơ sở CNNT có sản phẩm được cấp Giấy chứng nhận

1. Quyền lợi

Trong thời hạn của Giấy chứng nhận, cơ sở CNNT được hưởng các quyền lợi:

a) Được phép in hoặc dán nhãn Logo của Chương trình bình chọn sản phẩm CNNT tiêu biểu trên sản phẩm hoặc bao bì của sản phẩm được công nhận.

b) Được tặng thưởng bằng tiền mặt từ nguồn kinh phí khuyến công địa phương và các nguồn kinh phí hợp pháp khác *(nếu có)*.

c) Được cung cấp thông tin, tư vấn hướng dẫn tiếp cận các chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước; tư vấn lập dự án đầu tư mở rộng sản xuất, phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu.

d) Được ưu tiên xem xét hỗ trợ từ nguồn kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương để: Đào tạo nghề, truyền nghề; nâng cao năng lực quản lý; xây dựng chiến lược kinh doanh, marketing; xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất sản phẩm; tham gia các hội chợ, triển lãm, xúc tiến thương mại, giới thiệu sản phẩm; xây dựng, đăng ký nhãn hiệu; xây dựng trang thông tin điện tử (website) của cơ sở và các nội dung ưu tiên, hỗ trợ khác để phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được quy định

tại Nghị định 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công và các văn bản có liên quan.

e) Được đăng tải thông tin giới thiệu về sản phẩm trên các phương tiện thông tin ở địa phương như: bản tin Công Thương; trang thông tin điện tử của Sở Công thương; trang thông tin điện tử thị xã Bến Cát và các phương tiện truyền thông khác của thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương theo quy định.

2. Trách nhiệm

Trong thời hạn của Giấy chứng nhận, cơ sở CNNT có sản phẩm được cấp Giấy chứng nhận có trách nhiệm:

a) Sản xuất và phát triển sản phẩm được công nhận với tiêu chuẩn chất lượng mà cơ sở đã cam kết tại hồ sơ đăng ký tham gia bình chọn.

b) Định kỳ hàng năm, báo cáo Sở Công thương, Ủy ban nhân dân cấp huyện *(thông qua Phòng Kinh tế)* nơi tham gia bình chọn về kết quả hỗ trợ từ khuyến công, các chính sách của Nhà nước và tình hình sản xuất kinh doanh của cơ sở.

c) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan lập hồ sơ theo quy định để được hỗ trợ từ khuyến công, các nguồn kinh phí khác và ưu đãi hỗ trợ khác của Nhà nước cho đầu tư phát triển sản phẩm.

d) Phối hợp với Hội đồng bình chọn giải quyết các khiếu nại liên quan đến kết quả bình chọn sản phẩm của cơ sở *(nếu có)*.

XIII. Tổ chức thực hiện

1. Phòng Kinh tế

a) Triển khai kế hoạch và tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện phù hợp với kế hoạch chung được duyệt; tạo lập hồ sơ điện tử đăng ký bình chọn sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp huyện, cập nhật vào hệ thống cơ sở dữ liệu về sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, đồng thời gửi đăng ký bình chọn cấp tỉnh.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân thị xã thành lập Hội đồng bình chọn và phê duyệt quyết định công nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện.

c) Tuyên tuyền, vận động các cơ sở CNNT trên địa bàn đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm tham gia bình chọn sản phẩm CNNT tiêu biểu các cấp.

d) Tham mưu Ủy ban nhân dân thị xã phê duyệt danh sách sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp huyện để đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp tỉnh.

đ) Lập kế hoạch phát triển các sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu ở các xã, phường. Hướng dẫn, hỗ trợ, tạo điều kiện để cơ sở CNNT có sản phẩm CNNT tiêu biểu được thụ hưởng kinh phí khuyến công, tiếp cận các nguồn vốn và các chính sách ưu đãi hỗ trợ khác của Nhà nước để đầu tư phát triển sản xuất.

e) Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất tham mưu Ủy ban nhân dân thị xã báo cáo kết quả bình chọn; kết quả hỗ trợ từ các chính sách của Nhà nước và tình hình sản xuất kinh doanh của các cơ sở có sản phẩm được công nhận trên địa bàn.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch: bố trí kinh phí cho Phòng Kinh tế để tổ chức bình chọn sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp huyện năm 2024.

3. Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh: phối hợp với Phòng Kinh tế tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu sản phẩm CNNT tiêu biểu qua các kỳ bình chọn và Kế hoạch này trong suốt thời gian diễn ra bình chọn.

4. Ủy ban nhân dân các xã, phường: xem xét, giới thiệu và vận động các cơ sở CNNT trên địa bàn tham gia bình chọn sản phẩm CNNT tiêu biểu gửi Phòng Kinh tế tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân thị xã tổ chức bình chọn theo quy định.

Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc các đơn vị phản ánh về Phòng Kinh tế để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân thị xã có chỉ đạo kịp thời./.

Nơi nhận:
- Sở Công thương;
- CT, các PCT thị xã;
- Phòng Kinh tế; TC-KH;
- Trung tâm VHTT&TT;
- UBND các xã, phường;
- Cơ sở tham gia bình chọn;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Hồng

Phụ lục số 1

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số ..119../KH-UBND ngày 21. tháng..6.. năm 2023 của Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát)

(Tên Cơ sở CNNT)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
……..	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
-------	----------

……, ngày...tháng...năm...

PHIẾU ĐĂNG KÝ THAM GIA
BÌNH CHỌN SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU

□ Cấp Huyện	□ Cấp Tỉnh	□ Cấp Khu vực	□ Cấp Quốc gia

Kính gửi: Hội đồng bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu

1. Tên cơ sở công nghiệp nông thôn

Tên viết bằng tiếng Việt *(ghi bằng chữ in hoa có dấu)*: ……..

……..

Tên viết tắt *(nếu có)*: ..... Mã số *(nếu có)*: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

.....

Họ và tên người đại diện theo pháp luật: .....

Chức danh: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

Cơ sở công nghiệp nông thôn thuộc trong các loại hình sau:

□ Công ty cổ phần □ Doanh nghiệp tư nhân □ Trung tâm

□ Công ty TNHH □ Hợp tác xã □ Cơ sở sản xuất

□ Hộ kinh doanh □ Khác (*ghi rõ loại hình*):……..……

Tài khoản số: ..... Chủ tài khoản: ……

Mở tại ngân hàng: ..... Chi nhánh: .....

2. Thông tin về chi nhánh *(nếu có)*

Tên chi nhánh: .....

Địa chỉ chi nhánh: .....

Mã số chi nhánh: .....

3. Thông tin về địa điểm sản xuất

Tên địa điểm sản xuất: (*nếu nằm ngoài trụ sở chính và chi nhánh*) .....

.....

Địa chỉ địa điểm sản xuất: .....

Các văn bản, giấy tờ liên quan đến địa điểm sản xuất: .....

.....

4. Ngành, nghề kinh doanh chính

Số đăng ký kinh doanh, Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Hộ kinh doanh:.....

Ngày cấp, nơi cấp .....

Các ngành, nghề kinh doanh chính

STT	Tên ngành	Mã ngành

5. Quy mô vốn, tài sản và lao động

Vốn đăng ký kinh doanh *(bằng số; VNĐ)*: .....

Vốn điều lệ *(bằng số; VNĐ)*: .....

Vốn pháp định *(đối với ngành, nghề kinh doanh phải có vốn pháp định; bằng số; VNĐ)*: .....

.....

Tổng tài sản theo bảng cân đối kế toán thời gian gần nhất: .....

Tổng số lao động hiện đang sử dụng: .....

Trong đó: Số lao động tham gia bảo hiểm xã hội: .....

Thu nhập bình quân lao động *(bằng số VNĐ/người)*: .....

6. Tình hình chấp hành các chủ trương, chính sách, pháp luật của nhà nước

Các giải thưởng: Huân, huy chương, Bằng khen, Giấy khen, giấy Chứng nhận đã đạt được: .....

.....

□ Đáp ứng đầy đủ các điều kiện về sản xuất, kinh doanh theo luật định;

□ Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về thuế và các nghĩa vụ khác theo luật định;

□ Tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường; đảm bảo các quyền lợi đối với người lao động;

□ Khác *(ghi chi tiết)*.....

Sau khi tìm hiểu về Chương trình bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, chúng tôi tự nguyện đăng ký sản phẩm tham gia bình chọn như sau:

7. Tên sản phẩm hoặc bộ sản phẩm: .....

.....

Sản phẩm đăng ký bình chọn thuộc một trong các nhóm sản phẩm sau:

□ Thủ công mỹ nghệ

□ Chế biến nông, lâm, thủy sản và thực phẩm

□ Thiết bị, máy móc, dụng cụ và phụ tùng cơ khí

□ Khác *(ghi rõ nhóm sản phẩm)*:...

Chúng tôi cam kết là chủ sở hữu hợp pháp của sản phẩm, bộ sản phẩm nêu trên; sản phẩm đăng ký tham gia bình chọn không vi phạm quy định về quyền sở hữu trí tuệ, quyền sở hữu công nghiệp và các quy định khác liên quan đến tiêu chuẩn, quy chuẩn về chất lượng, an toàn lao động, vệ sinh lao động, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường; thực hiện đầy đủ quy định của Hội đồng bình chọn; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực và chính xác đối với các tài liệu, thông tin được cung cấp, kê khai trong hồ hơ đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu./.

Đại diện
Cơ sở công nghiệp nông thôn
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))

Phụ lục số 2

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 119./KH-UBND ngày 27. tháng 6.. năm 2023 của Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát)

(Tên Cơ sở CNNT)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
……..	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
-------	----------

……, ngày… tháng…năm…

THUYẾT MINH, MÔ TẢ GIỚI THIỆU SẢN PHẨM ĐĂNG KÝ BÌNH CHỌN SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU

Tên cơ sở công nghiệp nông thôn: .....

Địa chỉ: .....

Người đại diện: ..... ; Chức vụ: .....

Điện thoại: ..... ; Email: .....

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên sản phẩm: . .....

Sản phẩm đăng ký bình chọn thuộc một trong các nhóm sau:

□ Thủ công mỹ nghệ

□ Chế biến nông, lâm, thủy sản và thực phẩm

□ Thiết bị, máy móc, dụng cụ và phụ tùng cơ khí

□ Khác (ghi rõ nhóm sản phẩm):…..

Kích cỡ *(dài, rộng, cao)*: .....

Trọng lượng sản phẩm *(kg)*: .....

Ký hiệu sản phẩm *(nếu có)*: .....

Tính năng, công dụng chính của sản phẩm: .....

II. NỘI DUNG THÔNG TIN CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN SẢN PHẨM

Tùy vào từng loại sản phẩm, thực tế sản xuất kinh doanh của cơ sở công nghiệp nông thôn, nêu tóm tắt một số nội dung sau:

1. Quy mô sản xuất, kinh doanh và thị trường tiêu thụ

1.1. Quy mô sản xuất và kinh doanh:

Số lượng sản phẩm sản xuất/năm: .....

Năm trước năm bình chọn……..……. Năm tham gia bình chọn:……..……..

Dự kiến hai năm liền kề sau năm bình chọn: .....

Trong đó: số lượng sản phẩm xuất khẩu/năm: .....

Năm trước năm bình chọn…….. Năm tham gia bình chọn:……..……..

Dự kiến hai năm liền kề sau năm bình chọn: .....

Doanh thu của sản phẩm/năm: .....

Năm trước năm bình chọn…… Năm tham gia bình chọn:……..……

Dự kiến hai năm liền kề sau năm bình chọn: .....

Trong đó: Doanh thu của sản phẩm xuất khẩu/năm (nếu có): .....

Năm trước năm bình chọn…… Năm tham gia bình chọn:……...

Dự kiến hai năm liền kề sau năm bình chọn: .....

Nộp ngân sách nhà nước (năm trước và dự kiến năm hiện tại): .....

Nguyên vật liệu chính sử dụng sản xuất sản phẩm: .....

Tỷ lệ nguyên vật liệu chính sử dụng trong nước …….%.

Tỷ lệ nguyên vật liệu chính sử dụng nhập khẩu ……..%.

Đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh sản phẩm:

□ Đáp ứng được nhu cầu, thị hiếu của thị trường và người tiêu dùng

□ Có khả năng thay thế, cạnh tranh với sản phẩm nhập khẩu

□ Có khả năng sản xuất với số lượng lớn

□ Khả năng tham gia chuỗi liên kết giá trị sản phẩm

□ Khả năng nhân rộng sản xuất và thúc đẩy phát triển các ngành khác

□ Đánh giá khác *(ghi chi tiết)*:……

Tóm tắt quy trình, công nghệ sản xuất sản phẩm: .....

.....

.....

.....

Đánh giá trình độ công nghệ, thiết bị đang sản xuất sản phẩm.

□ Công nghệ, thiết bị hiện đại; có khả năng tự động hóa trong sản xuất sản phẩm	□ Công nghệ, thiết bị sản xuất sản phẩm đồng bộ, phù hợp với năng lực sản xuất của doanh nghiệp

□ Công nghệ, thiết bị ít tiêu hao năng lượng, nhiên liệu khi vận hành sản xuất	□ Công nghệ, thiết bị sản xuất giảm thiểu gây hại môi trường
□ Đánh giá khác (*ghi chi tiết*):	

2.2. Về thị trường tiêu thụ:

Thị trường tiêu thụ sản phẩm:

Tỷ lệ sản phẩm tiêu thụ tại thị trường trong nước .....%.

Tỷ lệ sản phẩm tiêu thụ tại thị trường ngoài nước .....%.

Đánh giá tiềm năng, mức độ đáp ứng nhu cầu thị trường: .....

.....

.....

.....

Đánh giá khả năng thay thế, cạnh tranh với sản phẩm nhập khẩu (nếu có):

.....

.....

2. Bảo vệ môi trường

Nêu tóm tắt tác động môi trường và việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trong sản xuất sản phẩm

.....

.....

.....

.....

3. Tính văn hóa, tính thẩm mỹ của sản phẩm

Đánh giá mức độ thể hiện tính đặc thù văn hóa dân tộc: .....

Tính kế thừa, hoàn thiện và phát huy các giá trị văn hóa của sản phẩm: ....

Sản phẩm có thiết kế mới, độc đáo; hình thức, mẫu mã, bao bì đẹp: .....

4. Một số nội dung khác

Các chứng nhận liên quan: Quy định đối với các cơ sở công nghiệp nông thôn thuộc nhóm ngành sản xuất có điều kiện theo quy định pháp luật; (ví dụ: Giấy phép sản xuất; Chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm,...).

Các chứng nhận về chất lượng sản phẩm đã được công nhận:

.....

Các giải thưởng, bằng khen, giấy chứng nhận,... đã đạt được:

.....

.....

Tình hình thực hiện các nghĩa vụ khác đối với Nhà nước: .....

Tham gia các hoạt động công ích xã hội: .....

Đánh giá các tác động xã hội khác (nếu có): .....

.....

.....

III. TỰ NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM ĐĂNG KÝ THAM GIA BÌNH CHỌN

.....

.....

.....

Đại diện
Cơ sở công nghiệp nông thôn
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))

Phụ lục số 3

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số ..119../KH-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát)

TIÊU CHÍ BÌNH CHỌN SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU

TT	Chỉ tiêu đánh giá	
I	**Đáp ứng nhu cầu thị trường và khả năng phát triển sản xuất**	
1	Đáp ứng nhu cầu thị trường	- Mức độ đáp ứng nhu cầu thị trường trong và ngoài nước. - Khả năng thay thế, cạnh tranh với sản phẩm nhập khẩu.
2	Khả năng phát triển sản xuất	- Khả năng sản xuất hàng loạt, với số lượng lớn. - Khả năng đáp ứng công nghệ, thiết bị hiện đại vào sản xuất. - Quy mô sản xuất. - Khả năng nhân rộng sản xuất và thúc đẩy phát triển các ngành khác. -Khả năng sử dụng nguyên, vật liệu trong nước. - Khả năng tham gia chuỗi liên kết giá trị sản phẩm.
II	**Tiêu chí về kinh tế - kỹ thuật - xã hội và môi trường**	
1	Về kinh tế	- Hiệu quả kinh tế sản xuất kinh doanh sản phẩm. - Doanh thu sản xuất kinh doanh sản phẩm. - Đánh giá các tiêu chí khác.
2	Về kỹ thuật	- Trình độ công nghệ, thiết bị sản xuất sản phẩm. - Chất lượng, mẫu mã sản phẩm. - Khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định.

		- Hệ thống quản lý sản xuất và chất lượng sản phẩm (ISO, HACCP,…). - Chất lượng lao động tham gia sản xuất.
3	Về xã hội	- Khả năng thu hút, giải quyết việc làm cho lao động. - Thu nhập bình quân của người lao động. - Đánh giá các tác động xã hội khác.
4	Về môi trường	- Đánh giá tác động môi trường và việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trong sản xuất.
III	**Tiêu chí về tính văn hoá, thẩm mỹ**	
1	Tính văn hoá	- Mức độ thể hiện tính đặc thù văn hóa dân tộc. - Tính kế thừa, hoàn thiện và phát huy các giá trị văn hóa của sản phẩm.
2	Tính thẩm mỹ	- Sản phẩm có thiết kế mới, độc đáo, hình thức, mẫu mã, bao bì đẹp.
IV	**Một số tiêu chí khác**	
1	Chứng chỉ liên quan đến chất lượng sản phẩm	- Các chứng nhận liên quan đến chất lượng sản phẩm đã được công nhận.
2	Các giải thưởng, khen thưởng	- Các giải thưởng, bằng khen,… đã đạt được
3	Thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước và các hoạt động công ích xã hội	- Tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ khác đối với Nhà nước. - Tham gia các hoạt động công ích xã hội.

Ghi chú: tùy từng nhóm sản phẩm, đặc tính của sản phẩm đăng ký tham gia bình chọn, Trưởng Ban giám khảo có thể xem xét lựa chọn các nội dung trong các tiêu chí trên, đề xuất với Hội đồng bình chọn để đánh giá, chấm điểm cho phù hợp.

Phụ lục số 4

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số ...119.../KH-UBND ngày ..27. tháng..6..... năm 2023 của Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát)

PHIẾU CHẤM ĐIỂM
SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU

Tên sản phẩm: .....

Nhóm sản phẩm: .....

Mã số bình chọn: .....

Họ và tên giám khảo: .....

Chức vụ/ Học hàm: .....

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm bình chọn	Ghi chú
1	Đáp ứng nhu cầu thị trường và khả năng phát triển sản xuất	40		
2	Tiêu chí về kinh tế - kỹ thuật – xã hội và môi trường	40		
3	Tiêu chí về tính văn hoá, thẩm mỹ	10		
4	Một số tiêu chí khác	10		
	TỔNG CỘNG:	100		

Nhận xét: .....

.....

Bến Cát, ngày.....tháng..... năm 2024

Thành viên Ban Giám khảo

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục số 5

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số .119./KH-UBND ngày .12. tháng ..6. năm 2023 của Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát)

Tên Cơ quan, đơn vị:

DANH SÁCH TRÍCH NGANG
SẢN PHẨM ĐĂNG KÝ THAM GIA BÌNH CHỌN SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU CẤP.....

TT	Tên sản phẩm	Cơ sở công nghiệp nông thôn	Địa chỉ	Ghi chú

Bến Cát, ngày ..... tháng .... năm 20....

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục số 6

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số .119./KH-UBND ngày .27. tháng .6.. năm 2023 của Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát)

QUY ĐỊNH VỀ GIẤY CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU

I. QUY ĐỊNH CHI TIẾT CỦA MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU

1. Hình thức: xung quanh trang trí hoa văn, chính giữa phía trên, dưới Quốc hiệu là biểu trưng *(logo)* của Chương trình phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu.

- Logo của Chương trình phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu bao gồm: hình ảnh của bánh răng công nghiệp *(màu nâu đỏ)* được cách điệu như một bông hoa trên nền đan xen của những chiếc lá *(màu xanh)*, tổng thể được đặt trong một hình tròn. Xung quanh nửa dưới hình tròn có hàng chữ "**SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU**"*(màu xanh)*.

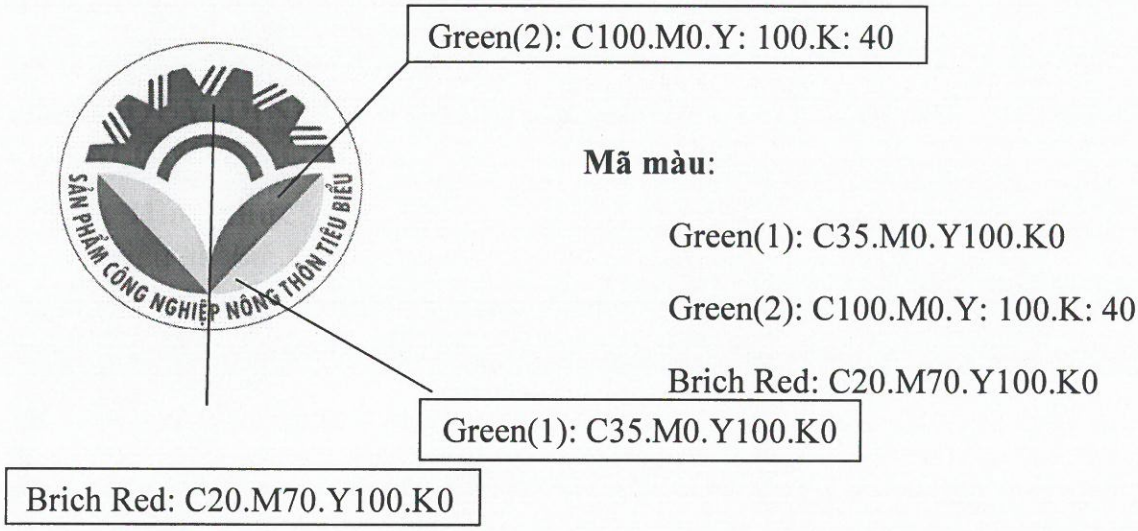

2. Nội dung: dòng thứ nhất, thứ hai: Quốc hiệu "Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, Độc lập - Tự do - Hạnh phúc"; dòng thứ 3 chức danh người ký *(chữ in hoa, màu đỏ)*; dòng thứ 4 tên đơn vị ký chứng nhận *(chữ in hoa, màu đen)*; dòng thứ 5 " CHỨNG NHẬN" *(chữ in hoa màu đỏ)*, dòng thứ 6: SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU; dòng thứ 7: CẤP….. – NĂM 20… *(chữ in hoa, màu đỏ)*; dòng thứ 8: TÊN SẢN PHẨM: ghi tên sản phẩm; dòng thứ 9: ĐƠN VỊ SẢN XUẤT: ghi tên đơn vị sản xuất sản phẩm; dòng thứ 10: ĐỊA CHỈ: ghi địa chỉ của đơn vị sản xuất sản phẩm.

Phía dưới bên phải các nội dung: địa danh, ngày…. tháng …. năm….; chức danh chữ ký vào khoảng trống 30mm để ký tên đóng dấu.

Phía dưới bên trái:

- Số quyết định .... ngày .... tháng .... năm ....

- Có giá trị đến ngày 31 tháng 12 năm 20....

3. Giấy in: Giấy chứng nhận in trên giấy trắng định lượng 150 gram/m^2.

- Giấy chứng nhận các cấp sử dụng chung khổ giấy A4, kích thước dài 297 mm, rộng 210mm, đường trang trí hoa văn dài 287mm, rộng 200mm (in chiều đứng trang giấy).

II. MẪU CỤ THỂ:

Mẫu 1

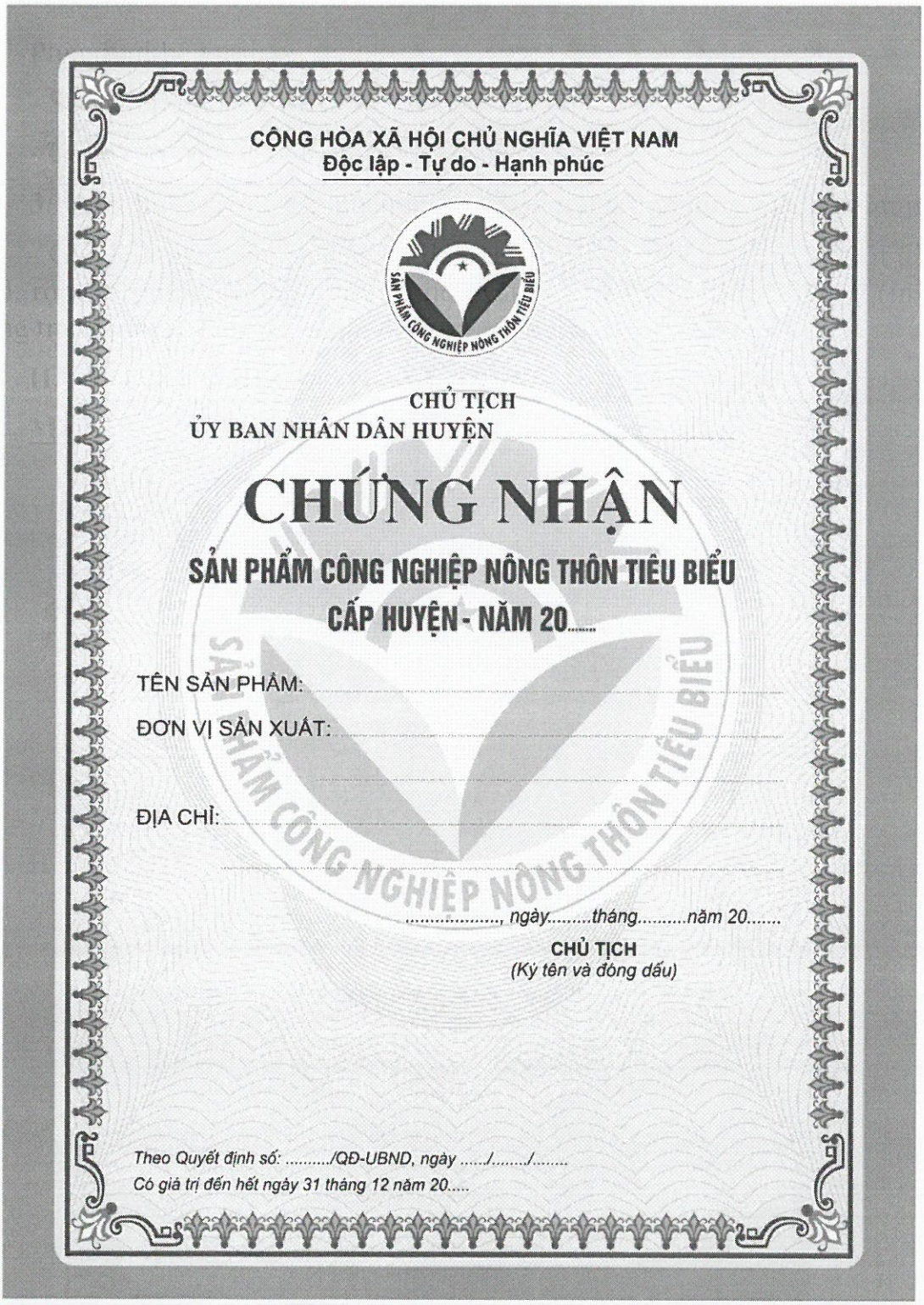

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU

CHỦ TỊCH
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN .....

CHỨNG NHẬN

SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU
CẤP HUYỆN - NĂM 20.....

TÊN SẢN PHẨM: .....

ĐƠN VỊ SẢN XUẤT: .....

ĐỊA CHỈ: .....

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

CHỦ TỊCH
(Ký tên và đóng dấu)

Theo Quyết định số: ...../QĐ-UBND, ngày ...../...../.....
Có giá trị đến hết ngày 31 tháng 12 năm 20.....

Mẫu 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỦ TỊCH
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH .....

CHỨNG NHẬN

SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU
CẤP TỈNH - NĂM 20.....

TÊN SẢN PHẨM: .....

ĐƠN VỊ SẢN XUẤT: .....

.....

ĐỊA CHỈ: .....

.....

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

CHỦ TỊCH
(Ký tên và đóng dấu)

Theo Quyết định số: ...../QĐ-UBND, ngày ...../...../.....
Có giá trị đến hết ngày 31 tháng 12 năm 20.....